|  |  |
| --- | --- |
| **BỘ TÀI CHÍNH** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số:          /2015 /TT-BTC | *Hà Nội, ngày         tháng      năm 2015* |

**THÔNG TƯ**

**Quy định về thuế giá trị gia tăng và quản lý hải quan đối với hàng hóa, dịch vụ bán tại khu cách ly**

*Căn cứ Luật Hải quan số 54/2014/QH13 ngày 23 tháng 6 năm 2014;*

*Căn cứ Luật Thuế xuất khẩu, Thuế nhập khẩu số 45/2005/QH11 ngày 14 tháng 6 năm 2005;*

*Căn cứ Luật Quản lý thuế số 78/2006/QH11 ngày 29 tháng 11 năm 2006;*

*Căn cứ Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Quản lý thuế số 21/2012/QH13 ngày 20 tháng 11 năm 2012;*

*Căn cứ Luật thuế giá trị gia tăng số 13/2008/QH12 ngày 03 tháng 6 năm 2008;*

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế giá trị gia tăng số 31/2013/QH13 ngày 19 tháng 6 năm 2013;*

*Căn cứ Luật sửa đổi bổ sung một số điều của các luật về thuế số 71/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014;*

*Căn cứ Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21tháng 01 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Hải quan về thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát, kiểm soát hải quan;*

*Căn cứ Nghị định số 87/2010/NĐ-CP ngày 13 tháng 08 năm 2010 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Thuế xuất khẩu, Thuế nhập khẩu;*

*Căn cứ Nghị định số 83/2013/NĐ-CP ngày 22 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quản lý thuế và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quản lý thuế;*

*Căn cứ Nghị định số 209/2013/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật thuế giá trị gia tăng;*

*Căn cứ Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật về thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định về thuế;*

*Căn cứ Nghị định 215/2013/NĐ-CP ngày 23 tháng 12 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;*

*Theo đề nghị của Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan,*

*Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư hướng dẫn về thuế giá trị gia tăng và quản lý hải quan đối với hàng hóa, dịch vụ bán tại khu cách ly.*

**CHƯƠNG I. QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

1. Khu cách ly của các cảng biển, cảng hàng không dân dụng quốc tế, ga đường sắt liên vận quốc tế và các cửa khẩu đường bộ quốc tế (sau đây gọi tắt là khu cách ly) là khu vực đã được ngăn cách, bảo vệ cách biệt tại khu vực cửa khẩu, biên giới sau khu vực làm thủ tục xuất cảnh. Khách vào khu cách ly đã hoàn thành thủ tục xuất cảnh.

2. Thông tư này hướng dẫn về thuế giá trị gia tăng và quản lý hải quan đối với hàng hoá, dịch vụ bán tại khu cách ly.

3. Hàng hóa, dịch vụ bán tại khu cách ly bao gồm:

a) Hàng hóa sản xuất tại Việt Nam;

b) Hàng hóa đã hoàn thành thủ tục nhập khẩu được phép lưu thông theo quy định của pháp luật Việt Nam đưa vào bán tại khu cách ly;

c) Dịch vụ cung cấp tại khu cách ly.

**Điều 2. Đối tượng áp dụng**

1. Doanh nghiệp kinh doanh hàng hóa, dịch vụ trong khu cách ly.

2. Doanh nghiệp kinh doanh cảng biển, cảng hàng không dân dụng quốc tế, ga đường sắt liên vận quốc tế.

3. Ban quản lý khu kinh tế cửa khẩu đường bộ quốc tế.

4. Cơ quan Hải quan; công chức hải quan.

**CHƯƠNG II. QUY ĐỊNH CỤ THỂ**

**Mục 1. Quy định về quản lý hải quan đối với hàng hóa bán tại khu cách ly**

**Điều 3. Thủ tục đối với tiền mặt, hàng hoá đưa vào, đưa ra khu cách ly**

1. Cơ quan hải quan thống nhất với cơ quan kinh doanh cảng biển, cảng hàng không dân dụng quốc tế, ga đường sắt liên vận quốc tế, Ban quản lý khu kinh tế cửa khẩu đường bộ quốc tế về địa điểm của hàng hóa, tiền mặt đưa vào, đưa ra khu vực cách ly để cơ quan hải quan thực hiện giám sát.

2. Cơ quan hải quan thống nhất với doanh nghiệp kinh doanh bán hàng trong khu cách ly về thời gian đưa hàng hóa, tiền mặt ra, vào khu cách ly để đảm bảo các yêu cầu giám sát của cơ quan hải quan.

3. Trường hợp cơ quan hải quan có Hệ thống xử lý dữ liệu điện tử (sau đây gọi tắt là Hệ thống) và doanh nghiệp kết nối với hệ thống của cơ quan hải quan

a) Trách nhiệm của doanh nghiệp

a.1) Đăng ký chữ ký số với cơ quan hải quan theo quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 38/2015/TT-BTC ngày 25/3/2015 của Bộ Tài chính quy định về thủ tục hải quan; kiểm tra, giám sát hải quan; thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu và quản lý thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu.

a.2) Khi đưa hàng hóa, tiền mặt vào, ra khu cách ly doanh nghiệp truyền dữ liệu theo biểu mẫu số 01, mẫu số 02, mẫu số 07 ban hành kèm theo Thông tư này đến Hệ thống cơ quan hải quan.

a.3) Thực hiện các yêu cầu của cơ quan hải quan qua phản hồi của hệ thống hoặc bằng văn bản của cơ quan hải quan.

b) Trách nhiệm của cơ quan hải quan

b.1) Khi nhận được thông tin khai báo của doanh nghiệp công chức hải quan kiểm tra các nội dung khai báo trên hệ thống.

Trường hợp nội dung khai báo chưa phù hợp, yêu cầu doanh nghiệp khai báo bổ sung hoặc khai lại.

Trường hợp nội dung phù hợp thực hiện xác nhận trên hệ thống cho phép doanh nghiệp được đưa hàng hóa, tiền mặt vào, ra khỏi khu cách ly;

b.2) Giám sát hàng hóa và tiền mặt đưa vào, ra khu cách ly;

b.3) Trường hợp có dấu hiệu vi phạm pháp luật đối với hàng hóa, tiền mặt đưa vào, ra khu cách ly công chức giám sát kiểm tra thực tế hàng hóa, tiền mặt căn cứ vào thông tin doanh nghiệp truyền đến hệ thống của cơ quan hải quan;

b.4) Thực hiện xác nhận trên hệ thống đối với hàng hóa, tiền mặt ra, vào khu cách ly. Đối với biểu mẫu số 03 và mẫu số 08 công chức thực hiện xác nhận trên hệ thống và in, xác nhận 01 bản giấy giao cho doanh nghiệp.

4. Trường hợp chưa có hệ thống của cơ quan hải quan hoặc hệ thống gặp sự cố

            a) Khi đưa tiền mặt, hàng hóa vào khu cách ly:

a1) Trách nhiệm của doanh nghiệp

a.1.1) Khai 02 bản Bảng kê hàng hóa đưa vào khu cách ly (mẫu số 01 kèm theo Thông tư này);

a.1.2) Khai 02 bản Bảng kê tiền mặt mang vào/ra khu cách ly (mẫu số 07 kèm theo Thông tư này);

a.1.3) Xuất trình hàng hóa, tiền mặt, bảng kê cho công chức hải quan kiểm tra, xác nhận theo quy định tại Thông tư này;

a.1.4) Chậm nhất sau 24 giờ sự cố của hệ thống được khắc phục, doanh nghiệp cần truyền các thông tin trên bảng kê đến hệ thống của cơ quan hải quan.

a.2) Trách nhiệm của cơ quan hải quan

a.2.1) Giám sát việc đưa hàng hóa, tiền mặt vào khu cách ly;

a.2.2) Đối với hàng hóa, tiền mặt đưa vào khu cách ly trường hợp phát hiện có dấu hiệu vi phạm pháp luật, công chức hải quan căn cứ trên bản kê của doanh nghiệp thực hiện kiểm tra thực tế hàng hóa, tiền mặt và xử lý vi phạm (nếu có);

a.2.3) Xác nhận trên 02 bản kê doanh nghiệp xuất trình, lưu 01 bản, trả lại doanh nghiệp 01 bản.

b) Khi đưa tiền mặt, hàng hóa ra khỏi khu cách ly quay trở lại nội địa

b.1) Trách nhiệm của doanh nghiệp

b.1.1) Khai 02 bản Bảng kê hàng hóa đưa ra khỏi khu cách ly (mẫu số 02 ban hành kèm theo Thông tư này);

b.1.2) Khai 02 bản Bảng kê tiền mặt mang vào/ra khu cách ly (mẫu số 07 ban hành kèm theo Thông tư này);

b.1.3) Xuất trình hàng hóa, tiền mặt, bảng kê cho công chức hải quan kiểm tra, xác nhận theo quy định tại Thông tư này.

b.1.4) Chậm nhất sau 24 giờ sự cố của hệ thống được khắc phục, doanh nghiệp cần truyền các thông tin trên bảng kê đến hệ thống của cơ quan hải quan.

b.2) Trách nhiệm của cơ quan hải quan

b.2.1) Giám sát việc đưa hàng hóa, tiền mặt đưa ra khỏi khu cách ly;

b.2.2) Đối với hàng hóa, tiền mặt đưa ra khỏi khu cách ly trường hợp phát hiện có dấu hiệu vi phạm pháp luật, công chức hải quan căn cứ trên bản kê của doanh nghiệp thực hiện kiểm tra trực tiếp hàng hóa, tiền mặt và xử lý vi phạm (nếu có);

b.2.3) Xác nhận trên 02 bản kê doanh nghiệp xuất trình, lưu 01 bản, trả lại doanh nghiệp 01 bản.

**Điều 4. Thủ tục đối với hàng hóa có thuế xuất khẩu, hàng hóa phải có giấy phép xuất khẩu**

1. Doanh nghiệp kinh doanh bán hàng trong khu cách ly khi đưa hàng hóa vào khu cách ly tự chịu trách nhiệm về việc phân loại hàng hóa chịu thuế xuất khẩu và hàng hóa phải có giấy phép xuất khẩu.

2. Khi đưa hàng hóa vào, ra khỏi khu cách ly doanh nghiệp phải kê khai riêng 02 bản đối với hàng hóa có thuế xuất khẩu và hàng hóa có giấy phép xuất khẩu trên mẫu số 04 và mẫu số 05 ban hành kèm theo Thông tư này. Đối với hàng hóa phải có giấy phép xuất khẩu khi đưa hàng hóa vào khu cách ly doanh nghiệp nộp 01 bản chụp và xuất trình bản chính giấy phép xuất khẩu. Khi đưa hàng hóa vào, ra khỏi khu cách ly cơ quan hải quan xác nhận trên 02 bản giấy: lưu cơ quan hải quan 01 bản, trả lại doanh nghiệp 01 bản.

3. Khi bán hàng ngoài việc lấy các thông tin cần thiết cho việc xuất hóa đơn, doanh nghiệp phải lấy thông tin của khách hàng: số hiệu chuyến bay, ngày bay, giờ bay, số hộ chiếu (hoặc giấy thông hành), lưu thông tin cùng với hóa đơn bán hàng.

4. Trước ngày 15 của tháng tiếp theo doanh nghiệp thực hiện mở tờ khai xuất khẩu và nộp thuế theo quy định. Hồ sơ bao gồm:

- Bảng tổng hợp hàng hóa có thuế xuất khẩu, có giấy phép xuất khẩu bán lẻ, sử dụng tại khu cách ly (mẫu số 06 ban hành kèm theo Thông tư này).

- Tờ khai hải quan giấy theo hướng dẫn tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư số 38/2015/TT-BTC ngày 25/3/2015 của Bộ Tài chính quy định về thủ tục hải quan; kiểm tra, giám sát hải quan; thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu và quản lý thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu (sau đây gọi là Thông tư số 38/2015/TT-BTC ngày 25/3/2015).

- Giấy phép xuất khẩu: 01 bản chính nếu chỉ sử dụng cho 01 tờ khai hoặc 01 bản chụp kèm theo Phiếu theo dõi trừ lùi nếu xuất khẩu nhiều lần.

5. Cơ quan hải quan thực hiện kiểm tra hồ sơ hải quan, thông quan theo quy định tại Mục 3 Thông tư số 38/2015/TT-BTC ngày 25/3/2015.

**Điều 5. Quy định khi bán hàng hóa**

1. Trường hợp cơ quan hải quan có hệ thống và doanh nghiệp kết nối với hệ thống của cơ quan hải quan: khi bán hàng cho khách xuất cảnh, quá cảnh nhân viên bán hàng nhập các dữ liệu thông tin (các thông tin theo quy định của Bộ Tài chính về nội dung trên hóa đơn) vào hệ thống và gửi đến cơ quan hải quan, sau khi nhận được phản hồi từ hệ thống thực hiện việc xuất hóa đơn và bán hàng theo quy định hiện hành.

2. Trường hợp chưa có hệ thống của cơ quan hải quan hoặc chưa kết nối mạng giữa doanh nghiệp và cơ quan hải quan hoặc hệ thống gặp sự cố: khi bán hàng cho khách xuất cảnh, quá cảnh, nhân viên bán hàng nhập các dữ liệu thông tin (các thông tin theo quy định của Bộ Tài chính về nội dung trên hóa đơn) vào hệ thống phần mềm quản lý của doanh nghiệp, sau đó xuất hóa đơn bán hàng theo quy định hiện hành về quản lý hóa đơn.

Chậm nhất 24 giờ sau khi khắc phục sự cố hệ thống doanh nghiệp truyền các thông tin bán hàng đến cơ quan hải quan.

**Điều 6. Kiểm tra, giám sát hải quan, báo cáo**

1. Giám sát hải quan: Thương nhân bán hàng tại khu cách ly phải có hệ thống camera quan sát và hệ thống máy tính bán hàng nối mạng giữa cửa hàng bán hàng hoá, dịch vụ với Chi cục Hải quan quản lý kinh doanh bán hàng hóa, dịch vụ tại khu cách ly. Phần mềm phải có các chức năng cơ bản sau:

a) Nạp thông tin, tra cứu, thống kê được số lượng theo từng thời điểm: hàng hóa đưa vào khu cách ly; hàng hóa, dịch vụ bán ra theo từng hóa đơn bán hàng trong khu cách ly; hàng hóa đưa ra khỏi khu cách ly; hàng hóa tồn trong khu cách ly.

b) Sao lưu, kết xuất dữ liệu để phục vụ công tác báo cáo (theo các biểu mẫu của Thông tư này), thống kê, lưu trữ các dữ liệu.

2. Chế độ báo cáo

2.1. Báo cáo của doanh nghiệp

a) Trường hợp cơ quan hải quan có hệ thống và doanh nghiệp kết nối với hệ thống của cơ quan hải quan: Trước ngày 05 của tháng kế tiếp doanh nghiệp truyền dữ liệu theo mẫu Bảng tổng hợp hàng hóa bán lẻ, sử dụng trong khu cách ly (mẫu số 03) và Bảng tổng hợp lượng tiền mặt đưa vào/ra lượng tồn trong khu cách ly (mẫu số 08) đến cơ quan hải quan đồng thời in 01 bản giấy nộp cho cơ quan hải quan. Cơ quan hải quan sau khi đối chiếu xác nhận trên hệ thống và xác nhận trên bản giấy gửi lại doanh nghiệp để thực hiện khấu trừ, hoàn thuế GTGT.

b) Trường hợp chưa có hệ thống của cơ quan hải quan hoặc hệ thống gặp sự cố: Trước ngày 05 của tháng kế tiếp doanh nghiệp nộp Bảng tổng hợp hàng hóa bán lẻ, sử dụng trong khu cách ly (mẫu số 03): 02 bản chính; Bảng tổng hợp lượng tiền mặt đưa vào/ra lượng tồn trong khu cách ly (mẫu số 08) cho Chi cục Hải quan quản lý khu cách ly: 02 bản chính. Cơ quan hải quan sau khi đối chiếu xác nhận trên 02 bản chính; lưu 01 bản, trả lại doanh nghiệp 01 bản.

c) Định kỳ 06 tháng doanh nghiệp tổng hợp số liệu theo mẫu số 03 và mẫu số 08 báo cáo Chi cục hải quan quản lý hoạt động kinh doanh bán hàng trong khu cách ly trước ngày 10/7 của năm báo cáo và trước ngày 10/1 của năm kế tiếp.

2.2. Báo cáo của cơ quan hải quan

2.2.1. Định kỳ 06 tháng Chi cục hải quan quản lý hoạt động kinh doanh bán hàng trong khu cách ly có trách nhiệm báo cáo Cục Hải quan tỉnh, thành phố trước ngày 15/7 của năm báo cáo và trước ngày 15/1 của năm kế tiếp về:

a) Số liệu thống kê 06 tháng về số lượng doanh nghiệp, tổng lượng hàng, tiền mặt đưa vào, đưa ra, tồn trong khu cách ly.

b) Đánh giá tình hình hoạt động của doanh nghiệp, khó khăn vướng mắc và đề xuất phương án giải quyết.

2.2.2. Định kỳ hàng năm Cục Hải quan tỉnh, thành phố báo cáo Tổng cục Hải quan theo mẫu số 09 kèm theo Thông tư này, báo cáo gửi trước ngày 30/01 của năm kế tiếp.

3. Chế độ kiểm tra

Định kỳ hoặc đột xuất cơ quan hải quan tổ chức công tác kiểm tra, thanh tra theo quy định của pháp luật đối với hoạt động kinh doanh bán hàng trong khu cách ly.

**Mục 2. Quy định về thuế giá trị gia tăng đối với hàng hóa, dịch vụ bán tại khu cách ly**

**Điều 7. Thuế suất thuế giá trị gia tăng**

            Hàng hoá sản xuất tại Việt Nam, hàng hoá nhập khẩu đã nộp thuế và dịch vụ do các doanh nghiệp cung cấp bán tại khu cách ly được áp dụng thuế suất thuế giá trị gia tăng là 0%.

**Điều 8.  Điều kiện khấu trừ, hoàn thuế đầu vào của hàng hóa bán tại khu cách ly**

 Điều kiện khấu trừ, hoàn thuế đầu vào của hàng hóa bán tại khu cách ly như sau:

 - Có hóa đơn GTGT của hàng hóa dịch vụ mua vào hoặc chứng từ nộp thuế GTGT ở khẩu nhập khẩu;

- Có chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt đối với hàng hóa, dịch vụ mua vào, nhập khẩu trừ trường hợp hàng hóa, dịch vụ mua vào, nhập khẩu từng lần có giá trị dưới 20 triệu đồng.

- Hóa đơn GTGT;

 - Bảng tổng hợp hàng hóa bán lẻ, sử dụng tại khu cách ly có xác nhận của cơ quan hải quan;

-   Bảng tổng hợp lượng tiền mặt mang vào/ra, lượng tồn trong khu cách ly có xác nhận của cơ quan hải quan.

**CHƯƠNG III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

**Điều 9. Hiệu lực thi hành**

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành ngày      tháng      năm 2015. Bãi bỏ Thông tư số 149/2010/TT-BTC ngày 27 tháng 9 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về thuế giá trị gia tăng và quản lý hải quan đối với hàng hóa, dịch vụ bán tại khu cách ly.

2. Trong quá trình thực hiện, nếu văn bản liên quan viện dẫn tại Thông tư này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì thực hiện theo văn bản mới được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.

**Điều 10. Tổ chức thực hiện**

Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan, Tổng cục Thuế chỉ đạo Cục trưởng Cục Hải quan, Cục Thuế các tỉnh, thành phố liên quan chịu trách nhiệm tổ chức quản lý, theo dõi và thực hiện các nội dung hướng dẫn tại Thông tư này.

Quá trình thực hiện có phát sinh vướng mắc, Tổng Cục Hải quan, Tổng Cục Thuế báo cáo với Bộ Tài chính để được xem xét, hướng dẫn giải quyết cụ thể./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***  - Thủ tướng Chính phủ và các Phó Thủ tướng CP;  - Văn phòng Quốc hội; VP Chủ tịch nước;  - Văn phòng Chính phủ; Văn phòng Tổng Bí thư;  - Văn phòng TW và các Ban của Đảng;  - Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;  - Viện kiểm sát nhân dân tối cao;  - Toà án nhân dân tối cao;  - HĐND, UBND  các tỉnh, thành phố;  - Sở TC, Cục thuế, KBNN các tỉnh, thành phố;  - Kiểm toán Nhà nước; Công báo;  - Ban chỉ đạo TW về phòng chống tham nhũng;  - Cục Kiểm tra văn bản (Bộ Tư pháp);  - Website Chính phủ; Website Bộ Tài chính;  - Các đơn vị thuộc Bộ Tài chính;  - Cục Hải quan các tỉnh, thành phố; Website Hải quan;  - Cục Thuế các tỉnh, thành phố;  - Lưu: VT, TCHQ. | **KT. BỘ TRƯỞNG**  **THỨ TRƯỞNG**            **Đỗ Hoàng Anh Tuấn** |